| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH CỬU**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2022
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh

2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Thanh T, sinh năm 1971;

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 6, Ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã B, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Kim H, sinh năm 1974;

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 6, Ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T và bà H có đơn xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021, các bản khai, biên bản hòa giải tại Tòa án nguyên đơn ông Trương Thanh T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Phan Thị Kim H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và không tiếp tục sống chung. Nay tình cảm giữa ông T và bà H không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông T và bà H có 02 con chung tên Trương Phan Thanh T, sinh ngày 20/9/1995 và Trương Phan Đình K, sinh ngày 02/12/2005. Khi ly hôn ông T yêu cầu giao con chung là Trương Phan Đình K cho bà H nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trương Phan Thanh T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Phan Thị Kim H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn và cho đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Bà và ông T không còn sống chung với nhau từ năm 2020 nên tình cảm không còn. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông T và bà H có 02 con chung tên Trương Phan Thanh T, sinh ngày 20/9/1995 và Trương Phan Đình K, sinh ngày 02/12/2005. Khi ly hôn ông T yêu cầu giao cháu Khôi cho bà nuôi dưỡng và tạm thời không cấp dưỡng nuôi con thì bà đồng ý. Cháu Trương Phan Thanh T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận vợ chồng giữa ông Trương Thanh T và bà Phan Thị Kim H; về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Trương Phan Đình K cho bà H nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Thanh T khởi kiện bà Phan Thị Kim H yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn có địa chỉ tại: xã B, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Về quan hệ pháp luật: Ông Trương Thanh T yêu cầu ly hôn, yêu cầu giao con chung cho bà H nên xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Thanh T và bà Phan Thị Kim H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, ông bà có đủ điều kiện để thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hộ tịch và pháp luật về Hôn nhân và gia đình nhưng đã không thực hiện việc đăng ký và cho đến khi khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn các đương sự đều thừa nhận chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. UBND xã B và xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai nơi các đương sự cư trú đã xác nhận nội dung trình bày của các đương sự về việc chưa đăng ký kết hôn là đúng. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Nghị quyết số 01/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, trường hợp nam nữ sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Thanh T và bà Phan Thị Kim H theo đơn khởi kiện ly hôn của ông Trương Thanh T.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông T và bà H có 02 con chung tên Trương Phan Thanh T, sinh ngày 20/9/1995 và Trương Phan Đình K, sinh ngày 02/12/2005. Ông T và bà H thỏa thuận giao cháu Trương Phan Đình K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của cháu Khôi và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Đối với cháu Trương Phan Thanh T, sinh ngày 20/9/1995 đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Trương Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Nghị quyết số 01/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Thanh T và bà Phan Thị Kim H.

Về con chung: Ông T và bà H có 02 (Hai) con chung tên Trương Phan Thanh T, sinh ngày 20/9/1995 và Trương Phan Đình K, sinh ngày 02/12/2005. Cháu Trương Phan Thanh T đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông T và bà H về nuôi con, giao con chung tên Trương Phan Đình K, sinh ngày 02/12/2005 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Ông Trương Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003864 ngày 02/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Ông Trương Thanh T và bà Phan Thị Kim H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Nhung**